

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Diệp Thị Thu Nguyệt**;

2. Ông **Lý Đạt Thành**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Lam Em** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **25/2022/TLST-HNGĐ**, ngày 18/01/2022 về việc: “**tranh chấp về ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh **Phan Thành Đ**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số 105/4, tổ 16, ấp Trung Bình Nhất, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0362822997

2/ Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Phúc M**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Trung Bình Nhất, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0988913449

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Thành Đ trình bày:* Anh Phan Thành Đ với chị Nguyễn Thị Phúc M chung sống với nhau từ năm 2017, có tổ chức lễ cưới và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 02/8/2017. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 01/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị M làm ăn thất bại, vợ chồng thường hay cự cãi. Ngày 30/4/2019, chị M bỏ nhà đi đâu không rõ nhưng thỉnh thoảng có về địa phương, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phúc M. Về quan hệ con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

*Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Phúc M:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị Phúc M nhưng chị M đã vắng mặt không lý do nên không có lời khai của chị M.

*Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh Đ, chị M tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vào ngày 08/3/2022 thể hiện:* Anh Đ và chị M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch. Đối với chuyện mâu thuẫn vợ chồng của anh Đ, chị M thì chính quyền địa phương không rõ.

*Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ được ly hôn với chị M. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Anh Đ yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Bị đơn chị Nguyễn Thị Phúc M cư trú tại ấp Trung Bình Nhất, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Theo quy định tại **Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự** thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Tại phiên tòa lần thứ nhất chị Nguyễn Thị Phúc M vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho chị M. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy

định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thành Đ chung sống với chị Nguyễn Thị Phúc M có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Do vậy, căn cứ **vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014** thì đây là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị M chỉ có một khoảng thời gian ngắn chung sống hạnh phúc, đến tháng 01/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M làm ăn thất bại nên vợ chồng thường hay cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn kéo dài mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải, ngày 30/4/2019 chị M bỏ đi đâu không rõ, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân chị M thỉnh thoảng có về địa phương nhưng vợ chồng không còn quan tâm nhau. Căn cứ vào quy định tại **Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014**, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị M.

[2.2] Về con chung: Qua chứng cứ anh Đ cung cấp cũng như kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại UBND xã Vĩnh Trạch thì anh Phan Thành Đ và chị Nguyễn Thị Phúc M không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thành Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thành Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phúc M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 02/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Anh Phan Thành Đ trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phan Thành Đ trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Phan Thành Đ và chị Nguyễn Thị Phúc M phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Phan Thành Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008858 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, anh Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Phúc M không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Trạch, Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Cẩm Xuyên**

